

Số:153 /KH-SNN

Hung Yên, ngày 30 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Hung Yên, giai đoạn năm 2023-2025

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về việc Sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về việc Sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm an ninh nguồn nước, cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Công văn số 1711/BNN-TL ngày 22 tháng 03 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện thông tư hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn,

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn năm 2023-2025, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN

- Nhằm bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lượng nước, duy trì đủ áp lực và chất lượng nước đạt quy định, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, giảm thiểu các bệnh liên quan đến nước, phòng ngừa dịch bệnh và phát triển kinh tế-xã hội.

- Giúp các nhà máy quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, hệ thống công trình xử lý nước và mạng lưới đường ống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng. Các hạng mục công trình thu, xử lý, trữ, phân phối nước sạch đến khách hàng được quản lý, vận hành, bảo dưỡng

theo quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Dự phòng phương án kiểm soát các nguy hại, rủi ro, sự cố có thể xảy ra trong hệ thống từ nguồn nước đến khách hàng và biện pháp cấp nước dự phòng trường hợp xảy ra gián đoạn cấp nước trên 48 giờ.

- Thiết lập cơ chế quản lý tài chính rõ ràng, doanh thu đủ bù đắp chi phí và có tích lũy phục vụ công tác duy tu, sửa chữa nhỏ và khắc phục sự cố.

- Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, hiểu rõ tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch phục vụ đời sống và sản xuất kinh doanh, ý thức sử dụng nước tiết kiệm, an toàn góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN TẬP TRUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Thực trạng công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 44 hệ thống cấp nước sạch, cấp cho 161/161 xã/phường/thị trấn, trong đó: có 02 hệ thống cấp nước sạch từ tỉnh Hải Dương cấp sang; 08 hệ thống không tự sản xuất mà mua buôn nước sạch; 22 hệ thống sử dụng nguồn nước ngầm và 12 hệ thống sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng, sông Luộc với quy mô cấp nước từ 01 đến 14 xã, công suất phục vụ từ 500 đến 21.500 hộ. Công suất thiết kế các nhà máy từ 600 đến 20.000 m³/ngày.đêm. Đến nay, nhiều nhà máy công suất khai thác đạt và vượt công suất thiết kế.

- Tỷ lệ thất thoát trung bình tại các nhà máy khoảng 15-25%. Tuy nhiên, tại một số nhà máy xây dựng trước năm 2015, công nghệ xử lý thô sơ, hệ thống bể chứa, đường ống cấp nước đã hư hỏng, xuống cấp nhiều nên tỷ lệ thất thoát khá cao giao động từ 15-30%.

- Về mô hình quản lý: Có 2 mô hình quản lý các hệ thống cấp nước:

+ Mô hình Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT: Quản lý 11 hệ thống.

+ Mô hình Doanh nghiệp (Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn):

Quản lý 33 hệ thống.

Cụ thể:

T T	Mô hình	Số hệ thống cấp nước	Số cấp xã phục vụ	Hệ thống sử dụng nguồn nước đầu vào			
				Nước mặt	Nước ngầm	Chuyên nguồn	Mua buôn
1	Trung tâm Nước sinh hoạt & VSMTNT	11	24	3	4		4
2	Doanh nghiệp (Cty cổ phần, Cty TNHH...)	33	137	9	18	2	4
Tổng		44	161	12	22	2	8

2. Tồn tại, khó khăn hạn chế

- Việc phát hiện, phân tích, đánh giá, phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ, rủi ro đối với các đơn vị cấp nước còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là

các nhà máy sử dụng nguồn nước mặt.

- Trình độ công nhân các nhà máy chưa đồng đều, việc nâng cao năng lực, trình độ đối với các nhà máy cho công nhân chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Việc xây dựng mới, nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn trong những năm qua ảnh hưởng lớn đến chất lượng mạng lưới đường ống.

- Còn tình trạng người dân phá hoại hệ thống đường ống cấp nước tại một số nhà máy trên địa bàn tỉnh.

III. MỤC TIÊU

Huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện các hoạt động cấp nước an toàn nhằm đạt được mục tiêu cụ thể từ nay đến hết năm 2025, như sau:

- 100% hệ thống cấp nước được lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn.

- Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn chất lượng nước sạch của Bộ Y tế và bảo đảm tiêu chuẩn cấp nước (70 lít/người/ngày, đêm) đạt 100%.

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch bình quân dưới 15%.

- Người dân nông thôn hiểu, tham gia bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm, an toàn góp phần giảm tỷ lệ thất thoát, tiết kiệm tài nguyên nước và bảo vệ môi trường.

IV. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Phạm vi thực hiện: Quy trình xây dựng, phê duyệt, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn và kế hoạch cấp nước an toàn công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh; Việc thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình khu vực nông thôn tỉnh.

- Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xây dựng, phê duyệt, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và thu, xử lý, trữ nước an toàn hộ gia đình khu vực nông thôn.

V. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng

- Xây dựng kế hoạch truyền thông và thực hiện các lớp truyền thông trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, tập trung nêu bật nội dung về tầm quan trọng của cấp nước an toàn đối với đời sống nhân dân và quản lý bền vững công trình cấp nước. Qua đó nâng cao trách nhiệm, tinh thần tự giác thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo cấp nước an toàn, bền vững của cộng đồng, các cơ sở cấp nước cũng như chính quyền các cấp.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và sử dụng nước sạch tiết kiệm, hiệu quả như: sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng (phát thanh,

truyền hình...), pa nô, băng rôn, các loại ấn phẩm (báo, tạp chí, tờ rơi...); tập trung tuyên truyền cao điểm vào dịp Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường hằng năm, ngày Môi trường thế giới...

2. Thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Tham gia xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 và Thông tư số 26/2021/TT-BYT ngày 15/12/2021 của Bộ Y tế.

- Tham gia xây dựng các nội dung quy định trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng nước phù hợp với phạm vi trong tỉnh.

3. Thực hiện quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước

- Thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước và xây dựng các phương án bảo vệ, cải tạo chất lượng nguồn nước;

- Xây dựng lộ trình, giải pháp chuyển nguồn nước thô, mua buôn nước sạch đối với các công trình cấp nước sạch tập trung có công suất nhỏ, khai thác nước ngầm hoặc khai thác nước sông nội đồng...;

- Đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng nguồn nước; kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm;

- Siết chặt quản lý việc khai thác nước ngầm; kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các hoạt động gây tác hại đến nguồn nước ngầm;

- Xây dựng chế tài xử lý vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép. Thường xuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép...;

- Tổ chức quản lý, vận hành công trình cấp nước sạch phù hợp với từng loại hình công trình, hướng đến chuyên nghiệp hóa công tác quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo công trình cấp nước sạch nông thôn hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, bền vững và nâng cao chất lượng dịch vụ;

- Rà soát các công trình hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định;

- Xây dựng và thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá nước sạch nông thôn;

- Huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý vận hành và bảo vệ công trình cấp nước, công trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” với hỗ trợ chuyên môn, hướng dẫn kỹ thuật của đơn vị chuyên trách.

4. Thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn và đầu tư, nâng cấp, phát triển hệ thống cấp nước

- Xây dựng hướng dẫn và triển khai kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn theo Sổ Tay hướng dẫn thực hiện Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp

nước an toàn khu vực nông thôn do Tổng cục Thủy lợi ban hành tại Quyết định số 244/QĐ-TCTL-NN ngày 06/06/2019 đảm bảo ứng phó thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;

- Chia sẻ nguồn nước và các thông tin liên quan tới nguồn nước giữa các ngành, địa phương phục vụ công tác cấp nước, quản lý, bảo vệ nguồn nước.

- Tổ chức cho các cán bộ xét nghiệm nước của Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT và các đơn vị cấp nước tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực xét nghiệm nước. Đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm và trang bị các thiết bị xét nghiệm hiện đại phục vụ công tác nội, ngoại kiểm chất lượng nước; năng lực xác định và xử lý sự cố gây gián đoạn, ngưng trệ trong quá trình cấp nước.

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp các hệ thống cấp nước tập trung (Đặc biệt đối với các công trình cấp nước từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn vay Ngân hàng Thế giới).

- Thực hiện giao tài sản các công trình cấp nước tập trung đầu tư bằng nguồn vốn Ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

5. Tập huấn, đào tạo, hướng dẫn về bảo đảm cấp nước an toàn

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ trực tiếp quản lý lĩnh vực cấp nước sạch trong việc tổ chức quản lý thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn, kiểm soát chất lượng nước trên địa bàn.

- Đối với các đơn vị cấp nước sạch:

- + Tập huấn, đào tạo, hướng dẫn lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn;

- + Tập huấn cho các đối tượng quản lý, vận hành khai thác công trình nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý công trình.

- + Tổ chức các hội thảo, hội nghị hướng dẫn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng nước và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn của các đơn vị cấp nước theo quy chuẩn hiện hành

- Thực hiện kiểm tra nội bộ chất lượng nước: Các đơn vị cấp nước tự thực hiện theo quy định.

- Cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra chất lượng nước: Thực hiện kiểm tra chất lượng nước định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần tại các nhà máy nước thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn.

- Hằng năm thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc lập, điều chỉnh và thực hiện các nội dung kế hoạch cấp nước an toàn của các hệ thống cấp nước theo

quy định tại Thông tư 23/2022/TT-BNNPTNT.

7. Ứng dụng công nghệ trong thực hiện cấp nước an toàn

- Ứng dụng công nghệ, thiết bị thông minh trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.

- Nghiên cứu lựa chọn công nghệ và thiết bị xử lý nước hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát nguồn nước, chất lượng nước, thực hiện số hóa, tự động hóa công tác quản lý vận hành và bảo vệ công trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Giao Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn là Văn phòng thường trực; hằng năm căn cứ kinh phí được phân bổ tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chủ trì thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Ban hành tài liệu hướng dẫn lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn đối với các nhà máy, công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình;

- Tập huấn nâng cao năng lực trong thực hiện và giám sát kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn cho cán bộ quản lý lĩnh vực cấp nước cấp tỉnh, huyện, xã.

- Tập huấn, đào tạo, hướng dẫn lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn cho các đơn vị cấp nước sạch;

- Tập huấn cho các đối tượng quản lý, vận hành khai thác công trình nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý công trình.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các đơn vị cấp nước, các hộ gia đình theo dõi, giám sát và duy trì số lượng, chất lượng nước;

- Tổ chức thực hiện công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm cấp nước an toàn, bảo vệ nguồn nước, hệ thống công trình, đường ống, cụm đồng hồ, hành lang cấp nước; thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình....

- Kiểm tra, giám sát các đơn vị cấp nước lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra chất lượng nước sạch các hệ thống cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng thông tin, dữ liệu bảo đảm cấp nước an toàn.

- Phối hợp với các sở, ngành, các cơ quan đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình bảo đảm cấp nước an toàn tỉnh Hưng Yên theo Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Hằng năm, báo cáo UBND tỉnh, Cục Thủy Lợi kết quả thực hiện Kế hoạch

bảo đảm cấp nước an toàn tỉnh Hưng Yên theo quy định trước 30/12.

2. Các đơn vị cấp nước khu vực nông thôn

- Lập và triển khai thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn các hệ thống cấp nước do đơn vị quản lý theo lộ trình được phê duyệt; tổ chức giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn; cập nhật, bổ sung kế hoạch giai đoạn sau; thường xuyên kiểm tra chất lượng nước đầu vào, đầu ra và chủ động có giải pháp kịp thời bảo đảm chất lượng nước cấp.

- Bảo vệ an toàn hệ thống cấp nước; phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát, đánh giá các tác động ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước; đề xuất biện pháp quản lý các nguồn ô nhiễm; lựa chọn các nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng; thông báo kịp thời tình hình chất lượng nước đến các cơ quan quản lý, ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đầu tư, cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước; lắp đặt, nâng cấp trang thiết bị giám sát, điều khiển hệ thống cấp nước; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước.

- Xây dựng quy trình quản lý, ứng phó, khắc phục rủi ro; bố trí nhân lực, trang thiết bị kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố nhằm giảm thời gian ngừng cấp nước và đáp ứng yêu cầu cấp nước ổn định.

- Xây dựng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực thực hiện kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn cho nhân viên, người lao động của đơn vị.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước, xâm phạm, gây mất an toàn cho hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ xử lý nước phù hợp theo từng giai đoạn nhằm bảo đảm cung cấp dịch vụ cấp nước đạt chất lượng và hiệu quả.

- Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.

3. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, tổ chức có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, tổ chức có liên quan tiếp tục thực hiện các nội dung tại Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 15/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm an ninh nguồn nước, cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2022-2025.

VII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

- Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị cấp nước và

các đơn vị liên quan: Định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, số 67, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Hiến Nam, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên).

- Trung tâm nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn:

+ Định kỳ trước ngày 20/12 hằng năm, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch bảo đảm cấp nước an toàn của các cơ quan, đơn vị gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả, bảo đảm tiến độ Kế hoạch đề ra.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn năm 2023-2025; đề nghị các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị cấp nước, tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp, tổ chức thực hiện Kế hoạch này; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- GD Sở (để b/c);
- Phó GD Sở phụ trách ĐĐ-TL;
- Các Sở, ngành tỉnh (để p/h);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh;
- Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT;
- Lưu: VT, HC-TH ^(MT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Kinh